CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Xuất nhập khẩu Quảng Bình

Ngày 30/09/2025	700 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0%	**16.7%**	**0%**

DT thuần
Q3/25
0.02
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.06| -70.0%

LN thuần
Q3/25
-0.75
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 12.6| 94.4%
YoY: ▲ 26.3| 97.2%

LN sau thuế
Q3/25
-0.75
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 12.8| 94.5%
YoY: ▲ 26.4| 97.2%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
-3115%
YoY: +/-▲ 53221%

ROE (TTM)
Q3/25
-24.1%
YoY: +/-▲ 6.7%

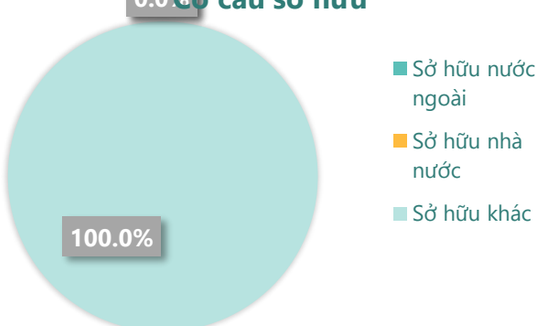
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	600 - 800
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	49
Số lượng CPLH (CP)	69,329,928
KLGD BQ 20 phiên (CP)	61,770
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.12
EPS	-1,142
P/E	-0.6

DT thuần
9T 2025
0.10
tỷ VNĐ
YoY: ▼55.4| -99.8%

LN thuần
9T 2025
-14.6
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 55.4| 79.1%

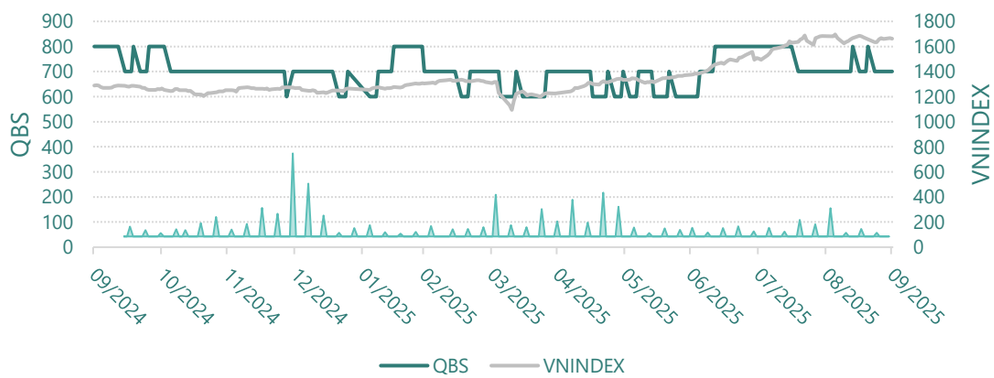
LN sau thuế
9T 2025
-14.8
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 61.3| 80.5%

Cơ cấu sở hữu

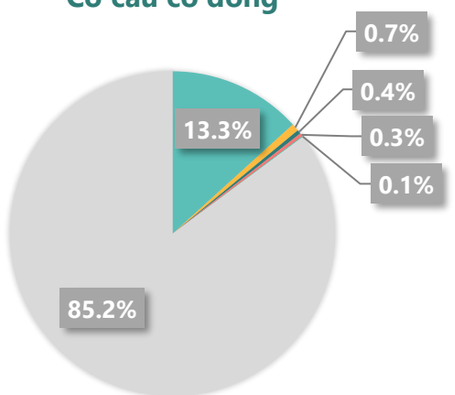


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

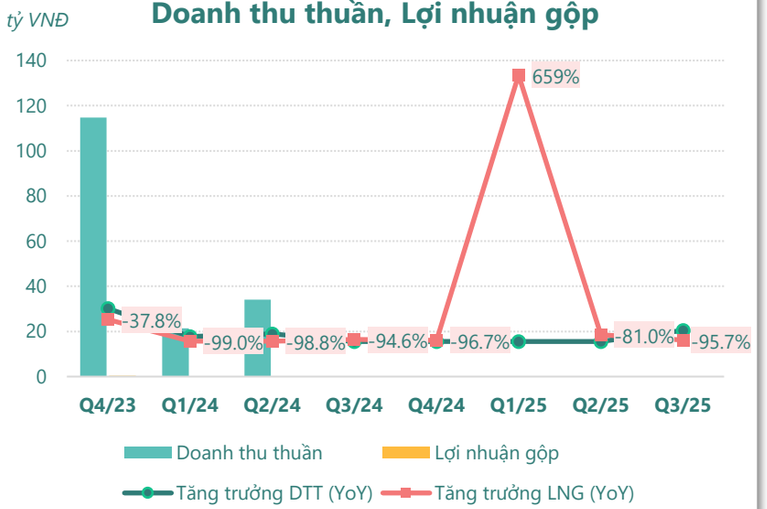


- Nguyễn Thị Thanh Hương
- Nguyễn Mạnh Tuấn (Giám đốc kinh doanh)
- Trần Việt Dũng
- Phạm Sĩ Thạc
- Nguyễn Quý Tùng
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

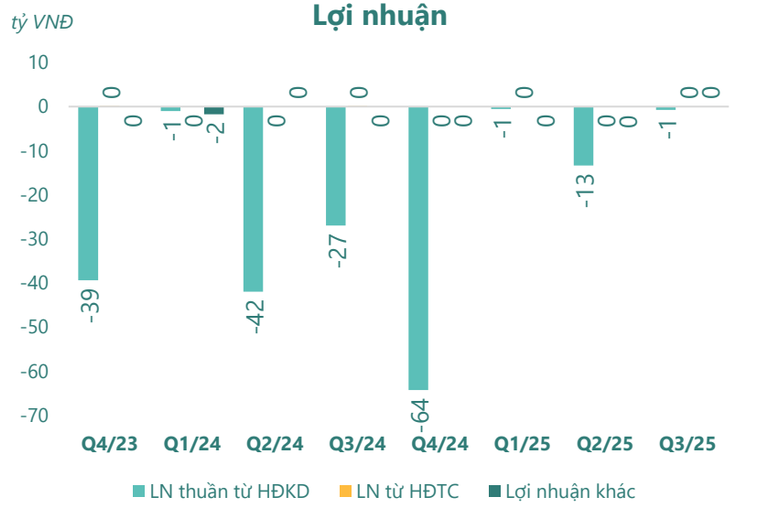
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



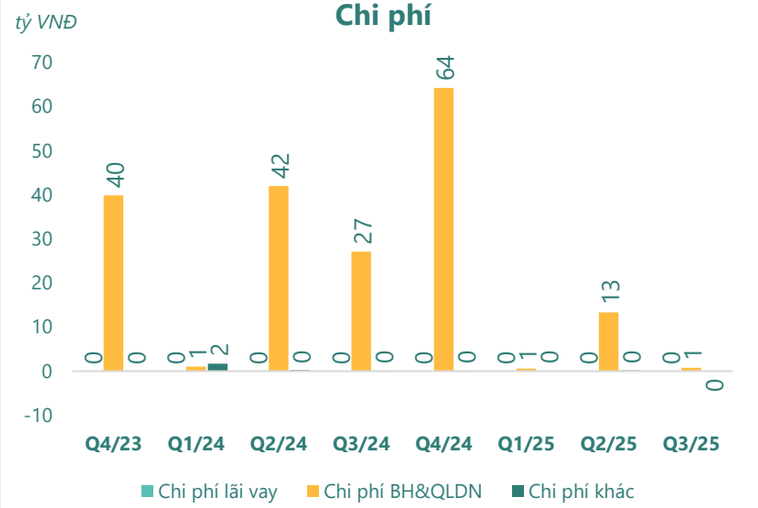
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



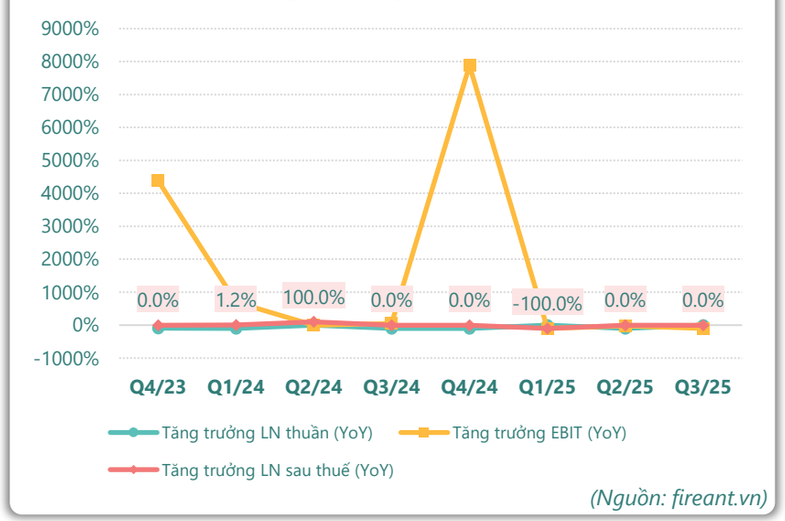
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



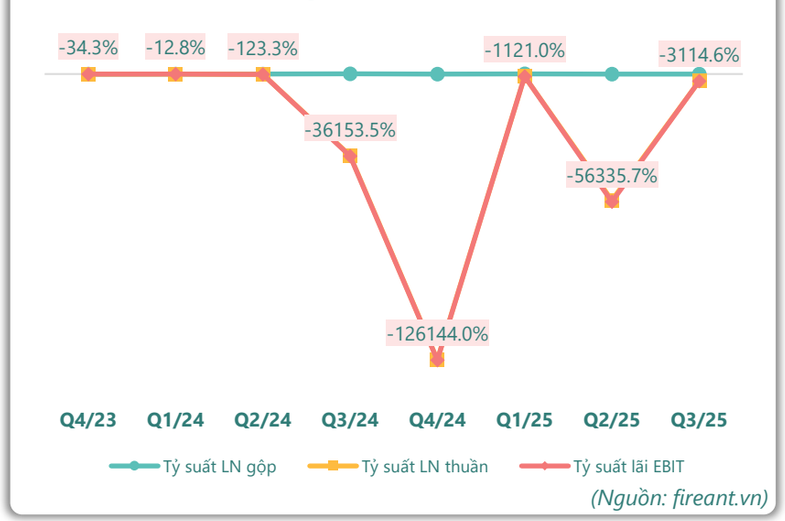
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



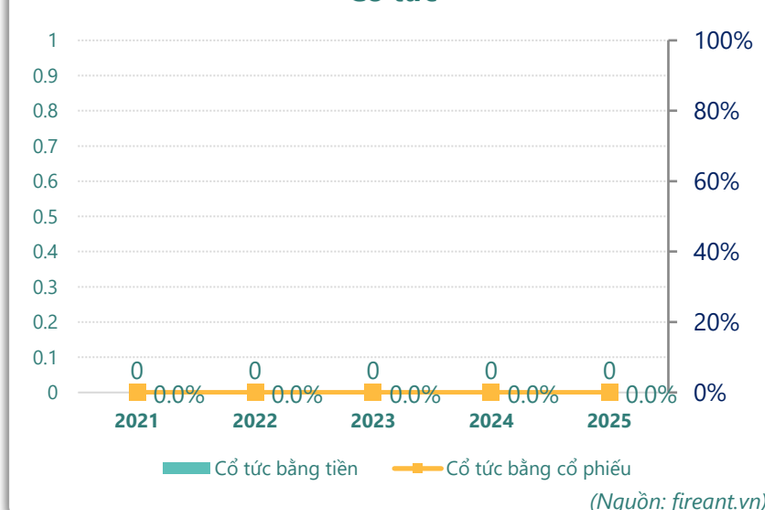
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



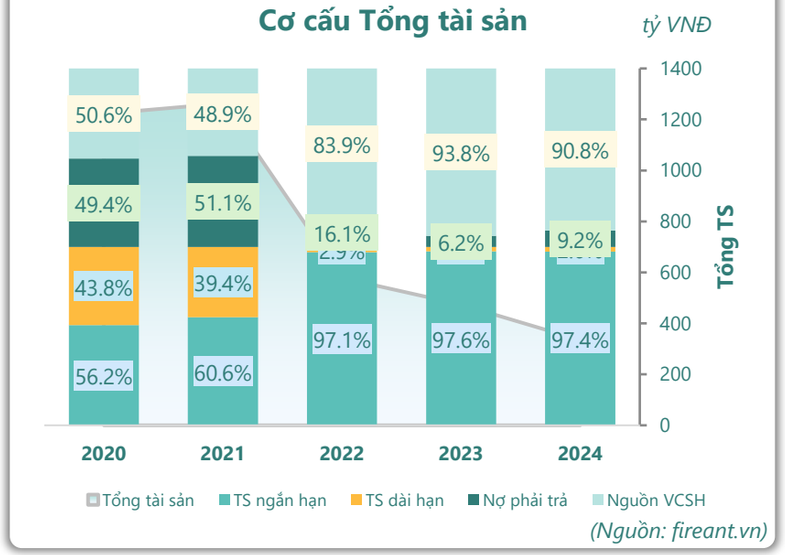
(Nguồn: fireant.vn)

Cổ tức

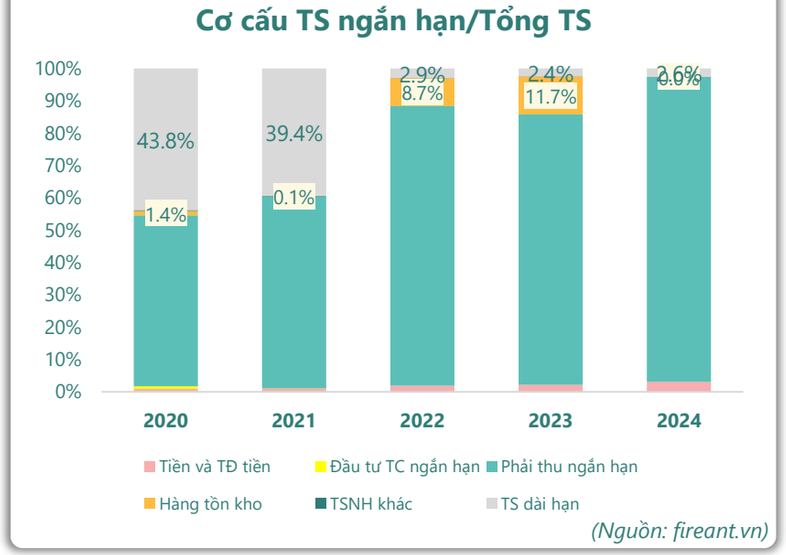


(Nguồn: fireant.vn)

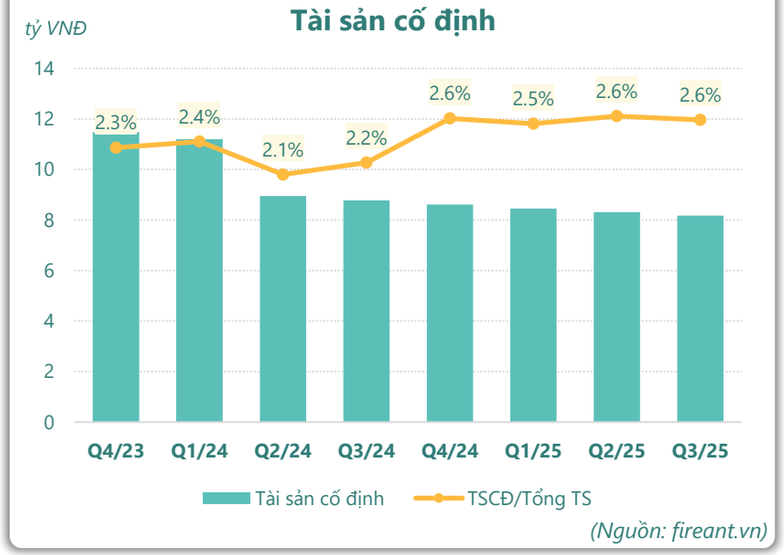
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN



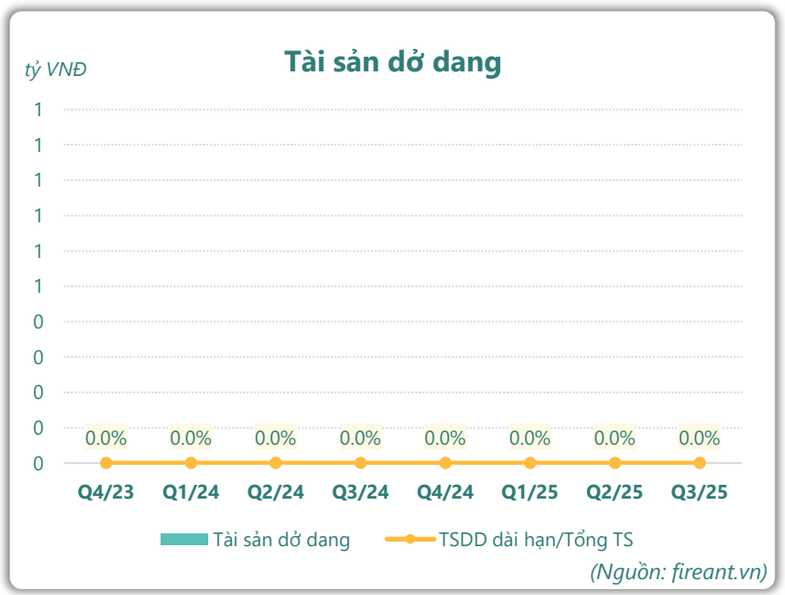
(Nguồn: fireant.vn)



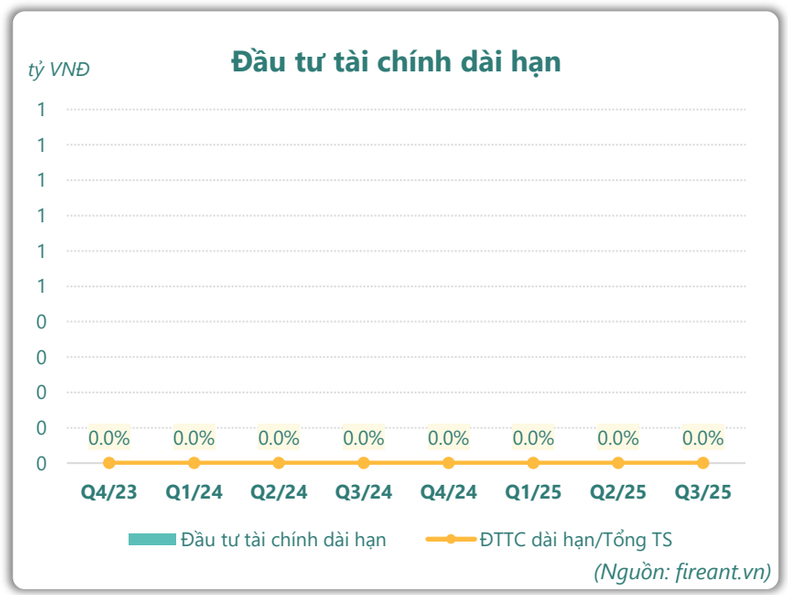
(Nguồn: fireant.vn)



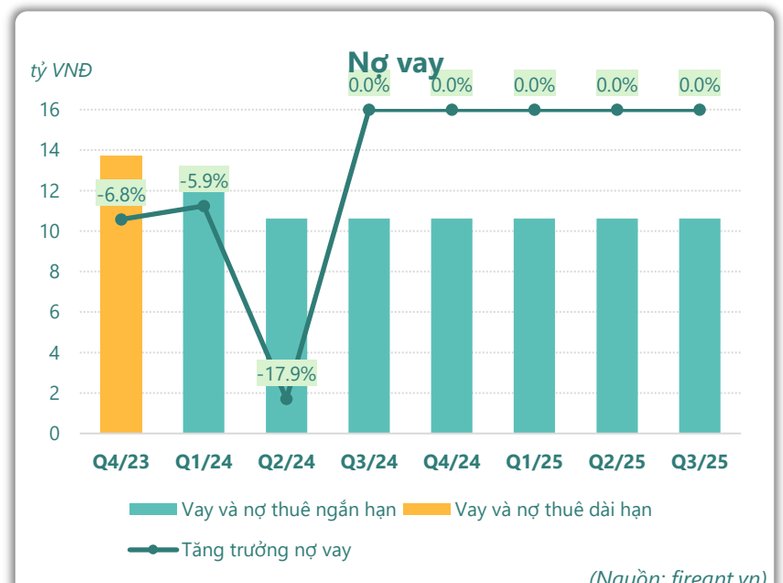
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)



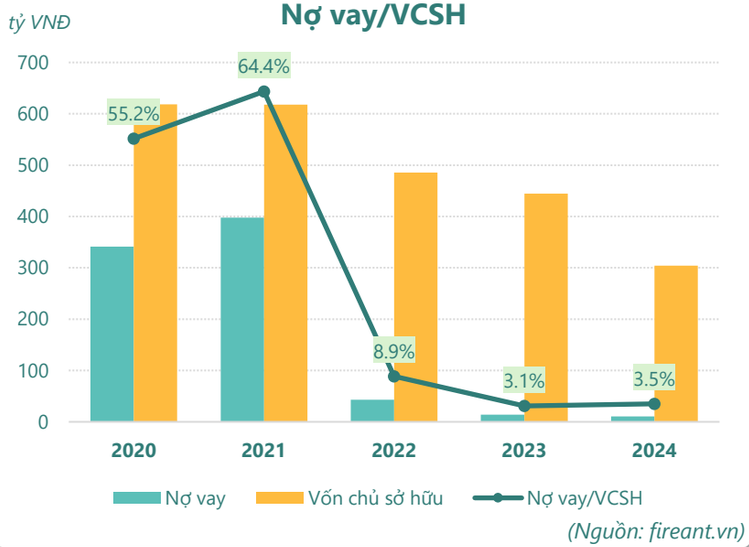
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)

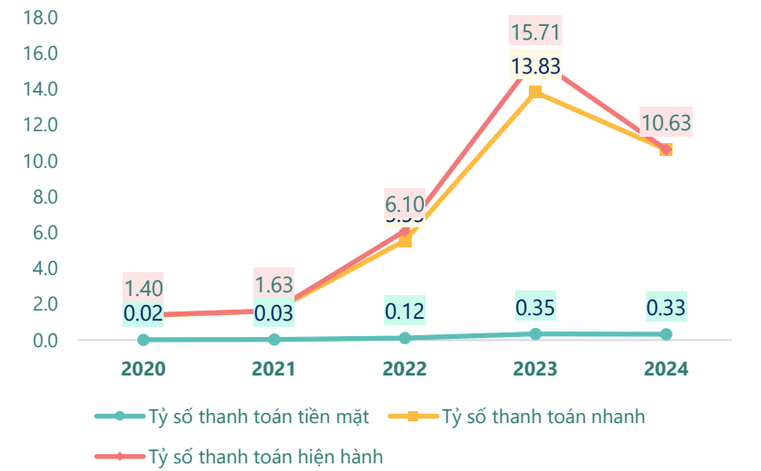
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



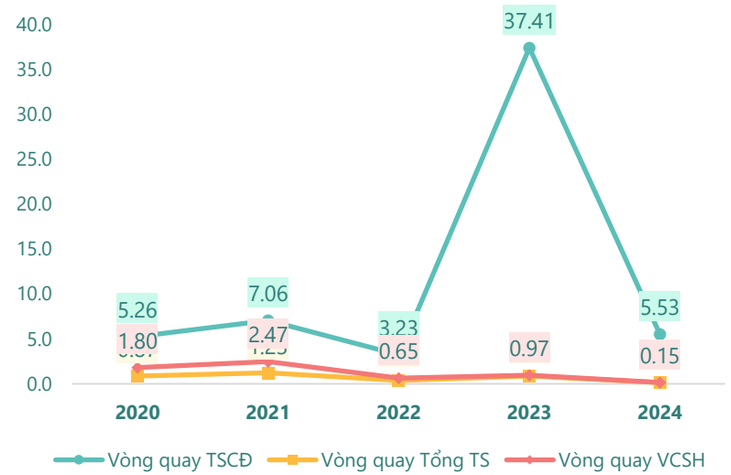
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



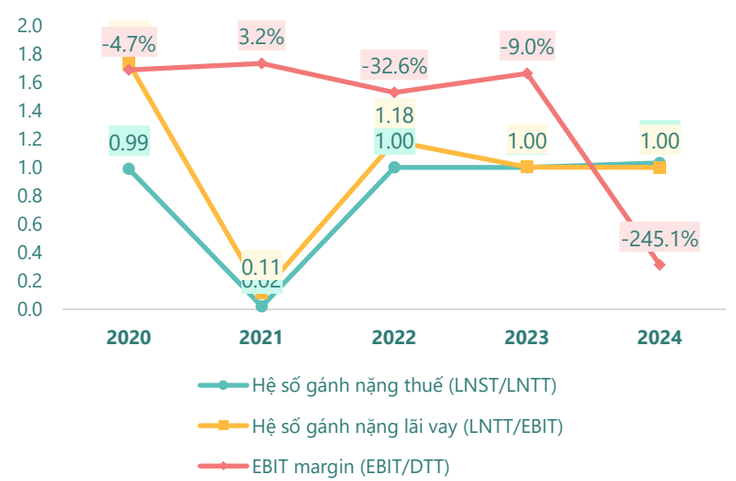
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



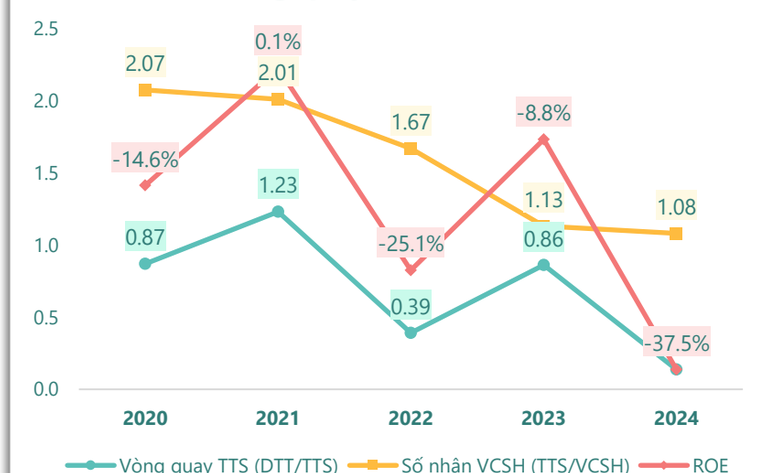
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



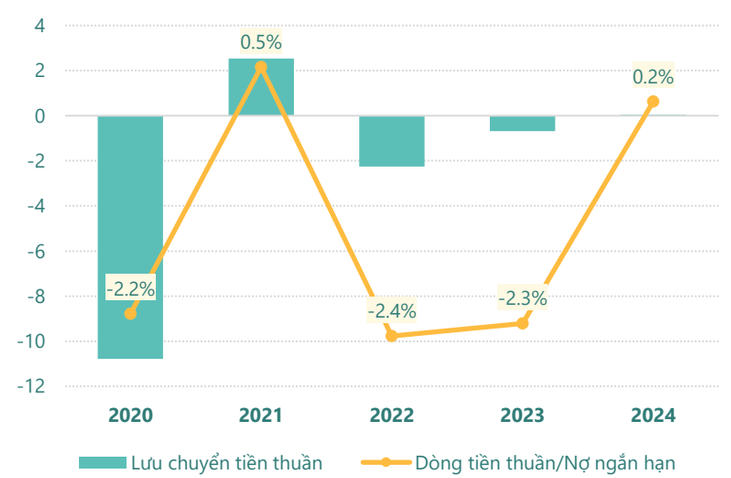
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**0.02**	**0.08**	**-70.0%**	**0.10**	**55.5**	**-99.8%**
Giá vốn hàng bán	0.02	0.04	-44.1%	0.07	55.4	-99.9%
Lợi nhuận gộp	0.00	0.04	-95.9%	0.03	0.05	-36.4%
Doanh thu HĐTC	0.05	0.14	-65.8%	0.14	0.25	-44.0%
Chi phí TC	0	0.00		0.09	0.13	-32.1%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0.00	-100%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.01	-100%	0.02	0.04	-55.6%
Chi phí QLDN	**0.80**	**27.1**	**-97.1%**	**14.7**	**70.1**	**-79.0%**
LN thuần từ HĐKD	-0.75	-27.0	97.2%	-14.6	-70.0	79.1%
Lợi nhuận khác	**0.00**	**-0.14**	**100%**	**-0.22**	**-1.85**	**88.0%**
LN trước thuế	-0.75	-27.1	97.2%	-14.8	-71.8	79.3%
Lợi nhuận sau thuế	**-0.75**	**-27.1**	**97.2%**	**-14.8**	**-76.1**	**80.5%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-0.75**	**-27.1**	**97.2%**	**-14.8**	**-76.1**	**80.5%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-0.02	-0.20	-0.08	-0.11	0.04	-0.07
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	2.30	0.16	0.05	0.05	0.05	0.05
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-2.31	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	10.3	10.3	10.3	10.2	10.2	10.3
Lưu chuyển tiền thuần	**-0.03**	**-0.04**	**-0.04**	**-0.06**	**0.09**	**-0.02**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.07	0.00	0.00	0.00	0.00	0
Tiền cuối kỳ	10.3	10.3	10.2	10.2	10.3	10.2

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**319**	**335**	**-4.8%**
Tài sản ngắn hạn	310	326	-4.8%
Tiền và tương đương tiền	10.2	10.2	0.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	300	316	-5.0%
Hàng tồn kho	0	0	
Tài sản ngắn hạn khác	0.06	0.02	196%
Tài sản dài hạn	**8.17**	**8.62**	**-5.2%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	8.17	8.62	-5.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**0.00**	**0.00**	**-73.2%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	29.4	30.7	-4.3%
Nợ ngắn hạn	**29.4**	**30.7**	**-4.3%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	10.6	10.6	0.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	7.33	7.21	1.8%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**289**	**304**	**-4.9%**
Vốn chủ sở hữu	**289**	**304**	**-4.9%**
Vốn điều lệ	693	693	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)